

Số: 507/QĐ-SNN

Phú Thọ, ngày 16 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng, duyệt dự toán gói thầu số 28 (ký hiệu: PT/W7/2017) mô hình "Sản xuất rau, màu an toàn áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm theo hướng cánh đồng mẫu lớn" tại xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, thuộc Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7)

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Hiệp định vay vốn dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) số 5352-VN ngày 24/4/2014 giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng thế giới;

Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án "Cải thiện nông nghiệp có tưới" do WB tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 1357/QĐ-BNN-XD ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Văn bản số 2672/BNN-TT ngày 05/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh mô hình CSA thuộc Hợp phần 3 dự án WB7;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-BNN-XD ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-SNN ngày 25/5/2017 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ về việc duyệt thiết kế, dự toán xây dựng mô hình CSA "Sản xuất rau, màu an toàn áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm theo hướng cánh đồng mẫu lớn" tại xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, thuộc Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7);

Căn cứ hồ sơ điều chỉnh dự toán xây dựng Mô hình: "Sản xuất rau, màu an toàn áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm theo hướng cánh đồng mẫu lớn" tại xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, thuộc dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có

tươi tỉnh Phú Thọ (WB7) do Liên danh Trung tâm Thủy lợi miền núi phía Bắc và Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc lập,

Xét đề nghị của Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 85/TTr-BDA ngày 14/7/2017 và Báo cáo kết quả thẩm định số 98/BC-QLXDCT ngày 25/7/2017 của Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh dự toán, duyệt dự toán gói thầu số 28 (ký hiệu: PT/W7/2017) hỗ trợ cơ sở hạ tầng mô hình “Sản xuất rau, màu an toàn áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm theo hướng cánh đồng mẫu lớn” tại xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, thuộc Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7) với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình:

1.1. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh giá vật liệu theo công bố giá số 1112/CB-LN ngày 10/7/2017 của liên Sở Tài chính và Xây dựng Phú Thọ.

- Điều chỉnh giá nhiên liệu theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) ngày 20/7/2017.

- Điều chỉnh chi phí phần nông nghiệp sửa theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

1.2. Dự toán điều chỉnh duyệt:

- Dự toán đã duyệt theo Quyết định số 409/QĐ-SNN ngày 25/5/2017 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ: **8.849.527.000 đồng**.

- Dự toán điều chỉnh duyệt: **8.709.559.000 đồng** (Bằng chữ: *Tám tỷ, bảy trăm linh chín triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng mô hình:	7.108.140.000	đồng;
- Chi phí thiết bị (phần xây dựng):	417.495.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	173.598.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	151.774.000	đồng;
- Chi phí khác:	443.811.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	414.741.000	đồng;

(Chi tiết có bảng tổng hợp dự toán điều chỉnh kèm theo)

(Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 409/QĐ-SNN ngày 25/5/2017 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ).

2. Duyệt dự toán gói thầu số 28 (ký hiệu PT/W7/2017): Hỗ trợ cơ sở hạ tầng mô hình: Sản xuất rau, màu an toàn áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm theo hướng cánh đồng mẫu lớn” tại xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy: 6.718.137.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, bảy trăm mười tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng công trình: 5.726.563.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 417.495.000 đồng;
- Chi phí hạng mục chung: 214.232.000 đồng;
- Chi phí bảo hiểm công trình: 39.936.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 319.911.000 đồng.

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./. *qth/đ*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Giám đốc Sở (B/c);
- PGD Sở (Ô. Trần Tú Anh);
- Lưu: VT, QLXDCT (10b). *ll*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Tú Anh

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

MÔ HÌNH: SẢN XUẤT RAU AN, MÀU AN TOÀN ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ TƯỚI TIẾT KIỆM THEO HƯỚNG CẢNH ĐỒNG MÀU LỚN

(Kèm theo Quyết định số: 501/QĐ-SNN ngày 16 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

DVT: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng mô hình	Gcpxd		$Gxd + Gnn$	6.461.945.098	646.194.510	7.108.140.000
1.1	Chi phí phần xây dựng công trình	Gxd			5.205.966.098	520.596.610	5.726.563.000
1.2	Chi phí phần nông nghiệp	Gnn			1.255.979.000	125.597.900	1.381.577.000
2	Chi phí thiết bị (phần xây dựng)	Gtb			379.540.980	37.954.098	417.495.000
3	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	3,108 %	$3,108\% \times (Gxd + Gtb)$			173.598.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		$Gtv1 : Gtv2$	137.976.103	13.797.610	151.774.000
4.1	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv1	2,598 %	$2,598\% \times Gxd$	135.250.999	13.525.100	148.776.000
4.2	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtv2	0,718 %	$0,718\% \times Gxd$	2.725.104	272.510	2.998.000
5	Chi phí khác	Gk		$Gk1 : Gk10$	336.491.272	33.649.127	443.811.000
5.1	Chi phí hạng mục chung	Gk1			194.756.586	19.475.659	214.232.000
5.2	Phí tài nguyên và bảo vệ MT	Gk2	4.100	1.726			7.076.000
5.3	Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk3	0,121 %	$0,121\% \times (Gxd + Gtb)$			6.758.000
5.4	Chi phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk4	0,117 %	$0,117\% \times (Gcpxd + Gtb)$			8.005.000
5.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gk5	0,2 %	$0,2\% \times \text{Giá gói thầu}$			13.436.000
5.6	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gk6	0,05 %	$0,05\% \times \text{Giá gói thầu}$			3.359.000
5.7	Chi phí thẩm định KQ lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gk7	0,05 %	$0,05\% \times \text{Giá gói thầu}$			3.359.000
5.8	Chi phí kiểm toán	Gk8	1,21 %	$1,21\% \times \text{TMĐT}$	105.428.890	10.542.889	115.972.000
5.9	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk9	0,73 %	0,5			31.678.000
5.10	Chi phí bảo hiểm công trình	Gk10	0,65 %		36.305.796	3.630.580	39.936.000
6	Chi phí dự phòng	Gdp	5, %	Gdp			414.741.000
	TỔNG CỘNG						8.709.559.000